TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 13 -8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sa Quang Phụng

2. Bà Sầm Thị Minh Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Văn Chấn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. VŨ ĐÌNH T, sinh ngày 17/4/1974 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T và bà Trần Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 01 con 18 tuổi;

- Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc; tại Bản án hình sự phúc 19/2018/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái sửa án sơ thẩm, xử phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2019, tạm giam từ ngày 26/4/2019 " Có mặt".

2. BÙI VĂN V, sinh ngày 15/02/1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Vũ Thị N (đã chết) có vợ là Hoàng Diễm H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019 đến nay. "Có mặt".

3. NGUYỄN ĐỨC H, sinh ngày 10/6/1979 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H có vợ là Vũ Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019 đến nay. "Có mặt".

4. LÊ VĂN T, sinh ngày 14/02/1993 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, Thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Tạ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019 đến nay. "Có mặt".

5. TRẦN MINH X, sinh ngày 29/7/1981 tại thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tiến D (đã chết) và bà Đào Thị H có vợ là Chu Thị Hồng C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019 đến nay. "Có mặt".

6. NGUYỄN THANH N, sinh ngày 07/5/1985 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị D có vợ là Lò Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019 đến nay. "Có mặt".

***Người làm chứng*:** Vũ Đại T, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái " Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 30 phút, ngày 24/4/2019, tổ công tác của Công an tỉnh Yên Bái và Công an thị trấn nông trường L bắt quả tang tại rạp cưới của gia đình anh Vũ Chí C tại tổ dân phố 1, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh yên Bái nhiều đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền gồm: Vũ Đình T, Bùi Văn V, Nguyễn Đức H, Lê Văn T, Trần Minh X và Nguyễn Thanh N.

* Vật chứng và tài sản tạm giữ gồm có:

- Thu giữ của Lê Văn T số tiền 220.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng; Bùi

Văn V số tiền 400.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; Nguyễn Đức H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; Vũ Đình T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu vàng; Nguyễn Thanh N 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng; Trần Minh X số tiền 2.023.000 đồng, 01 điện thoại di động VeTu màu đen, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Đình N.

- Thu giữ trên chiếu bạc khi bắt qủa tang gồm: Số tiền 6.520.000 đồng, 01 bát, 01 đĩa, 04 quân vị làm từ ván bóc, 01 chiếc chiếu nhựa.

Diễn biến của vụ án thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 24/4/2019, tại rạp đám cưới của gia đình anh Vũ Chí C, tại tổ A, thị trấn nông trường L, huyện V. Vũ Đình T là hàng xóm với gia đình anh C có đến để trông rạp đám cưới và ăn đêm tại đó cùng với mọi người, lúc này tại nhà anh C đã có nhiều người đang ở đó. Anh Vũ Đại T là em trai ruột của anh C có mang bát, đĩa và mì tôm cho mọi người ăn. Sau khi ăn xong thì Nguyễn Đức H, Bùi Văn V và Vũ Đình T cùng rủ nhau đánh bạc để thức trông rạp đám cưới. Bát, đĩa có sẵn nên H dùng tay bẻ ván bóc ở gần chỗ ngồi thành 04 quân vị, dùng bút bi tô một mặt quân vị thành màu đen. Sau khi thấy H làm xong, T và V cùng ngồi xuống đánh bạc, V là người cầm cái xóc cho T và H chơi, chơi được một lúc thì có thêm Lê Văn T, Nguyễn Thanh N và Trần Minh X đến cùng chơi. Do toàn là người quen biết, hàng xóm với nhau nên mỗi ván mọi người chỉ đặt cửa từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, thời gian chơi mỗi ván từ 03 - 05 phút, chơi đến 02 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Các bị cáo khai nhận: Vũ Đình T bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc (trước khi chơi có 500.000 đồng, trong khi chơi vay của Trần Minh X 500.000 đồng và bóc phong bì tiền mang theo trong người 2.000.000 đồng); Bùi Văn V trước khi chơi bỏ ra số tiền 300.000 đồng; Nguyễn Đức H bỏ ra số tiền 300.000 đồng (trước khi đánh bạc có 200.000 đồng, trong lúc đánh vay của Nguyễn Thanh N 100.000 đồng); Lê Văn T, trước khi đánh bạc bóc phong bì mừng cưới 200.000 đồng; Nguyễn Thanh N bỏ ra số tiền 200.000 đồng; Trần Minh X bỏ ra số tiền 2.050.000 đồng.

Tổng số tiền thu giữ trên người khi bắt quả tang các bị cáo là 2.643.000 đồng, trong đó có 2.600.000 đồng dùng để đánh bạc. Như vậy số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.120.000 đồng.

Tại biên bản xác định tiền ngày 21/5/2019 (bút lục số 96) của Công an huyện Văn Chấn và Đại diện Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn chấn, xác định: Số tiền 9.120.000đ thu giữ trong vụ án đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản cáo trạng số 28/CT- VKS-VC ngày 25/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn đã truy tố các bị cáo:

Vũ Đình T, Bùi Văn V, Nguyễn Đức H, Lê Văn T, Trần Minh X và Nguyễn Thanh N về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vũ Đình T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo V, H, T, X và N được áp dụng tình tiết "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, giữ nguyên quyết định truy tố về phần tội danh đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng;

Bổ sung một phần quyết định truy tố về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Vũ Đình T, bị cáo có cha đẻ là là ông Vũ Đình T là người có công với nước, bị cáo T được tặng giấy khen thành tích xuất sắc trong công tác năm học 2014 -2015 theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo T, V, H, T, X và N phạm tội Đánh bạc.

- Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đình T 06 đến 09 tháng tù. Phạt tiền bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của Bản án số 19/2018/HSPT ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng. Hình phạt chung cho cả hai Bản án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thanh N, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Bùi Văn V, Nguyễn Đức H và Trần Minh X và mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo H và V; Không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo X.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền là 9.120.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa , 04 quân vị, 01 chiếc chiếu nhựa.

- Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa gì mà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, tranh cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà ngày hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện, khoảng 00 giờ ngày 24/4/2019 tại rạp cưới của gia đình anh C thuộc tổ dân phố A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có 06 người tham gia đánh bạc, gồm các bị cáo T, V, H, T, X và N đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Yên Bái và Công an thị trấn nông trường L bắt quả tang, thu giữ số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.120.000 đồng.

Hành vi trên đây của các bị cáo T, V, H, T, X và N đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Như vây, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo T, V, H, T, X và N phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đánh bạc xuất phát từ việc thức trông rạp đám cưới của gia đình anh C là hàng xóm của các bị cáo, là vụ án có đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Vũ Đình T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Đình T tại thời điểm phạm tội đang phải chấp hành 01 bản án về tội Đánh bạc. Bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phúc thẩm, phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án, nên lần phạm tội này của bị cáo cần tổng hợp hình phạt của bản án số 19/2018/HSPT ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Các bị cáo T, V, H, T, X và N đều "thành khẩn khai báo" thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo V, H, T, X và N được áp dụng tình tiết " Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Vũ Đình T có cha đẻ là người có công với nước; bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng được tặng thưởng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi năm học 2014 -2015 đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý các bị cáo một cách nghiêm minh, với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện;

- Đối với bị cáo Vũ Đình T đang là người đang phải chấp hành 01 bản án về tội Đánh bạc, lần phạm tội này xác định là tái phạm. Do đó buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt tại Trại giam để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

- Đối với các bị cáo T, N trước khi phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, tại địa phương luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nơi cư trú. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Tùng và Ngọc có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, nhưng cũng cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T và N.

- Đối với các bị cáo V, H và X, thấy rằng các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo bản thân nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Do đó áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với V, H và X thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nhưng cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

- Các bị cáo V, H đều là những người lao động tại địa phương và có thu nhập, Hội đồng xét xử áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo; bị cáo X thuộc trường hợp gia đình là hộ nghèo do đó không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

* Quá trình điều tra xác định các tài sản, tiền không liên quan đến tội phạm nên cơ quan điều tra đã trả lại gồm: Trả lại cho H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; V 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng; T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng và số tiền 20.000 đồng; X 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VeTu màu đen, 01 chiếc ví màu vàng đã cũ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hoàng Đình N và số tiền 23.000 đồng; N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H (vợ bị cáo Vũ Đình T) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu vàng. Việc trả lại tài sản, đồ vật của cơ quan điều tra là phù hợp nên được chấp nhận.

* Đối với số vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án cần xử lý như sau:

- 01 chiếc chiếu nhựa; 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 01 phong bì niêm phong ghi "Vật chứng: 04 quân vị thu giữ khi bắt quả tang trong vụ đánh bạc xảy ra tại tổ A, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 24/4/2019". Đây là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền thu giữ là 9.163.000 đồng; trong đó thu trên chiếu bạc là 6.520.000 đồng; thu trên người các bị cáo số tiền là 2.643.000 đồng. Xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.120.000 đồng, nên cần tịch thu, nộp ngân

sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong vụ án này còn có một số người đi xe khách, khi xe khách dừng nghỉ ở gần chỗ đánh bạc, có 02 - 03 người có tham gia đánh bạc khoảng 15 - 20 phút thì lên xe đi. Các bị cáo đều không biết tên, địa chỉ của những người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở điều tra, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình T, Bùi Văn V, Nguyễn Đức H, Lê Văn T, Trần Minh X và Nguyễn Thanh N phạm tội "Đánh bạc".

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Vũ Đình T 06***(sáu)* tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của Bản án số 19/2018/HSPT ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng. Hình phạt chung cho cả hai bản án là **02** *(hai)* năm **09** *(chín)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm tạm giữ bị cáo 24/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn T 06** *(sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án; Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N 06** *(sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án; Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Văn V 09** *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hằng tháng đối với bị cáo là 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H 09** *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hằng tháng đối với bị cáo là 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Minh X 09** *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo V, H và X tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái nhận được Quyết định thi hành án và Bản án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo V, H, T, X và N cho Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo V, H, T, X và N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo V, H, T, X và N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 phong bì niêm phong ghi " Vật chứng: 04 quân vị thu giữ khi bắt quả tang trong vụ đánh bạc xảy ra tại tổ A, thị trấn nông trường L, Văn Chấn, Yên Bái ngày 24/4/2019".

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Chấn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vũ Đình T, Bùi Văn V, Nguyễn Đức H, Lê Văn T, Trần Minh X và Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự (6);
- CCTHA dân sự;
- CA huyện Văn Chấn ;
- Các bị cáo (06);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND TTNT L (thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Phú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**